| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2025/DS-PT
Ngày 08 - 01 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Trung Dũng;

Ông Nguyễn Văn Tài.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 675/2024/TLPT-DS ngày 02/12/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 530/2024/QĐ-PT, ngày 09/12/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 594/2024/QĐ-PT ngày 20/12/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ D, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Đắc G, sinh năm 1969; địa chỉ: đường N, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

2. Bà Mai Thị Kim T, sinh năm 1980; địa chỉ: đường N, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Mai Thị Kim T*: Bà Đoàn Thị Q, sinh năm 1996; địa chỉ: số D, đường V, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/9/2024), có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lê Quang B, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ D, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1983; địa chỉ: tổ D, ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* các bị đơn ông Nguyễn Đắc G và bà Mai Thị Kim T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*-Theo án sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:*

Do quen biết nên trong năm 2022, nguyên đơn cho bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Đắc G và bà Mai Thị Kim T vay tiền để làm ăn, cụ thể:

- Lần 1: ngày 11/5/2022 vay 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), có lập giấy vay tiền và bà T ký tên, điểm chỉ dấu vân tay xác nhận người vay, ông G ký tên, điểm chỉ xác nhận là người bảo lãnh cho bà T trả nợ. Theo giấy nợ, không thể hiện thời hạn vay và lãi suất vay. Tuy nhiên, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, khi nào cần thu hồi tiền gốc, nguyên đơn sẽ thông báo cho bị đơn biết trước 01 tháng. Thực hiện thỏa thuận, bà T, ông G có thanh toán tiền lãi được 05 tháng mỗi tháng 3% tương đương 30.000.000 đồng/tháng (từ 11/6/2022 đến 11/10/2022) là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Từ ngày 16/10/2022 đến nay các bị đơn không trả gốc và lãi cho nguyên đơn.

- Lần 2: ngày 15/8/2022, vay 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), hai bên cũng lập giấy viết tay "Giấy vay mượn tiền", cũng như lần vay thứ nhất, giấy vay tiền ghi thời hạn trả theo thỏa thuận và không ghi lãi suất vào giấy vay tiền nhưng hai bên có thỏa thuận miệng, lãi suất 3%/tháng tương đương 9.000.000 đồng/tháng, khi cần thu hồi vốn, nguyên đơn báo trước cho các bị đơn 01 tháng. Thực hiện hợp đồng vay, bị đơn đã thanh toán tiền lãi được 03 tháng (từ 15/9/2022 đến 15/11/2022): là 27.000.000 đồng. Từ ngày 16/11/2022 đến nay các bị đơn không trả gốc và lãi cho nguyên đơn.

Ngày 15/11/2022, nguyên đơn là bà Lê Thị H thông báo yêu cầu các bị đơn là ông Nguyễn Đắc G và bà Mai Thị Kim T trả lại tiền gốc 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất còn nợ cho nguyên đơn chậm nhất vào ngày 15/12/2022 nhưng đến hẹn các bị đơn không thực hiện và không trả lời ý kiến. Ngày 14/7/2023, nguyên đơn là bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết buộc các bị đơn Mai Thị Kim T, Nguyễn Đắc G cùng liên đới thanh toán cho nguyên đơn: nợ gốc 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) và lãi suất chậm trả theo mức lãi do pháp luật quy định 20%/năm (tương đương 1,667%/tháng) tính từ thời điểm quá hạn thanh toán tháng 11/2022 đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính là 09 tháng tương đương 193.700.000 đồng, tổng cộng: 1.493.000 đồng (một tỷ bốn trăm chín mươi ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: *"Giấy vay mượn tiền" lập ngày 11/5/2022* và *"Giấy vay mượn tiền" lập ngày 15/8/2022 có chữ ký tên, dấu vân tay điểm chỉ xác nhận của các bị đơn.*

- *Trong quá trình thụ lý, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử sơ thẩm:* Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã tống đạt hợp lệ các thông báo, văn bản tố tụng cho các bị đơn Mai Thị Kim T, Nguyễn Đắc G nhưng các bị đơn không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến chấp nhận hay phản đối yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Ngày 24/9/2024, bị đơn là bà Mai Thị Kim T có văn bản ủy quyền cho bà Đoàn Thị Q là người đại diện theo ủy quyền của bà T với tư cách là bị đơn trong vụ án. Bà Q đã được Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng cho sao chụp đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng bà Q không có ý kiến phản hồi đến Tòa án đồng thời ngày 30/9/2024, bà Đoàn Thị Q là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Mai Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm lần 02 ngày 30/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng đã xét xử vắng mặt các bị đơn theo Bản án dân sự phúc thẩm số 68/2024/DS-ST.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 02 ngày 08/01/2025, bị đơn Nguyễn Đắc G vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn yêu cầu xét xử phúc thẩm vắng mặt nguyên đơn.

- *Tại bản tự khai ngày 30/8/2024, người làm chứng là ông Lê Quang B trình bày:* Trong năm 2022, các bị đơn ông Nguyễn Đắc G, bà Mai Thị Kim T có vay của ông B số tiền 1.000.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Số tiền bà T, ông G vay của ông B không liên quan gì đến khoản vay 1.300.000.000 đồng của bà Lê Thị H. Tháng 3/2023, bà T, ông G có thỏa thuận chuyển nhượng 5.169m$^2$ đất nông nghiệp thuộc thửa số 179, tờ bản đồ số 16 tại xã C, huyện B, tỉnh Bình Dương cho ông Lê Quang B và ông Nguyễn Văn B1 (ông B 60%, ông B1 40%) để cấn trừ số nợ do bà T, ông G vay của ông B và ông B1 1.000.000.000 đồng theo giấy thỏa thuận trả nợ giữa các bên lập ngày 08/3/2024 giữa bà Mai Thị Kim T, ông Nguyễn Đắc G và bà Lê Thị H1, ông Lê Quang B. Bà Lê Thị H không tham gia trong thỏa thuận này và không ký tên vào văn bản.

Ông B xác định không liên quan đến số tiền bà H cho ông G, bà T vay 1.300.000.000 đồng nên xin vắng mặt và không tham gia tố tụng.

- *Tại bản tự khai ngày 30/9/2024, người làm chứng là bà Lê Thị H1 trình bày:* bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Đắc G có vay của bà H1 số tiền 700.000.000 đồng. Bà H1 không liên quan gì đến số tiền bà Lê Thị H cho bà T, ông G vay 1.300.000.000 đồng vào năm 2022. Bà H1 xin vắng mặt không tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Đắc G, bà Mai Thị Kim T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản:

- Buộc ông Nguyễn Đắc G, bà Mai Thị Kim T liên đới trả cho bà Lê Thị H số tiền 1.087.656.667 đồng (một tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 87.656.667 đồng theo nội dung Giấy vay mượn tiền ngày 11/5/2022.

- Buộc ông Nguyễn Đắc G, bà Mai Thị Kim T liên đới trả cho bà Lê Thị H số tiền 336.495.000 đồng (ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 36.495.000 đồng theo nội dung Giấy vay mượn tiền ngày 15/8/2022.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/10/2024 các bị đơn ông Nguyễn Đắc G, bà Mai Thị Kim T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 01 ngày 20/12/2024 và lần 02 ngày 08/01/2025, bị đơn là ông Nguyễn Đắc G vắng mặt liên tiếp lần thứ hai không có lý do. Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Mai Thị Kim T là bà Đoàn Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Q có xuất trình các bản sao kê ngân hàng do bà Mai Thị Kim T chuyển khoản năm 2022 nhưng không thể hiện tên chủ tài khoản nhận là bà Lê Thị H, bà Q cho rằng bản sao kê nói trên thể hiện bà T đã thanh toán nợ cho bà H nhưng không lý giải được số tài khoản của bà H cũng như bảng sao kê không có tên người nhận là bà Lê Thị H nên chứng cứ nói

trên không có căn cứ để chứng minh việc các bị đơn Nguyễn Đắc G, Mai Thị Kim T đã thanh toán xong khoản tiền vay cho bà Lê Thị H.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện Kiểm sát không kiến nghị khắc phục gì thêm. Riêng bị đơn là ông Nguyễn Đắc G có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng cả 02 lần triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng ông G đều vắng mặt không có lý do được xem là đương sự từ bỏ việc kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đắc G.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đại diện hợp pháp của bị đơn bà Mai Thị Kim T là bà Đoàn Thị Q giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn (bà Mai Thị Kim T) không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Mai Thị Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm. Xét thấy, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý bản án sơ thẩm không kháng cáo và xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn. Đối với bị đơn là ông Nguyễn Đắc G có kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/01/2025, ông G vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do nên được xem là ông G đã từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đắc G theo quy định tại khoản 3 Điều 296 và khoản 5 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ nội dung *"Giấy vay mượn tiền"* lập ngày 11/5/2022 thể hiện việc các bị đơn Mai Thị Kim T và Nguyễn Đắc G có mượn (vay) của nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền mặt 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng chẵn), thời hạn vay có sự thỏa thuận giữa hai bên, không đề cập đến lãi suất; *"Giấy vay mượn tiền"* lập ngày 15/8/2022 thể hiện việc các bị đơn bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Đắc G có mượn (vay) của nguyên đơn bà Lê Thị H số tiền mặt 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng chẵn), thời hạn vay có sự thỏa thuận giữa hai bên, không đề cập đến lãi suất. Tổng hai lần vay là 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Nguyên đơn bà Lê Thị H cho rằng cả 02 lần vay tiền, hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 3%/tháng (khoản vay 1.000.000.000 đồng, nộp lãi 30.000.000 đồng/tháng; khoản vay 300.000.000 đồng nộp lãi 9.000.000 đồng/tháng) nhưng không thỏa thuận thời hạn vay, khi cần thu hồi vốn, nguyên đơn sẽ thông báo trước cho bị đơn 01 tháng. Trên thực tế đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng ngày 11/5/2022, các bị đơn thanh toán được 05 tháng tiền lãi là 150.000.000 đồng; khoản vay 300.000.000 đồng ngày 15/8/2022 các bị đơn thanh toán được 03 tháng tiền lãi là 27.000.000 đồng. Ngày 15/11/2022, nguyên đơn ban hành văn bản thông báo sẽ thu hồi vốn vay 1.300.000.000 đồng vào ngày 15/12/2022, các bị đơn nhận văn bản thông báo nhưng không thực hiện việc trả nợ. Quá trình tố tụng, các bị đơn ông Nguyễn Đắc G, bà Mai Thị Kim Tiếp N đầy đủ các văn bản thông báo của Tòa án về việc nguyên đơn Lê Thị H khởi kiện đồng thời được tiếp cận các tài liệu chứng cứ *"Giấy vay mượn tiền lập ngày 11/5/2022"* và *"Giấy vay mượn tiền lập ngày 15/8/2022"* nhưng không phản đối, không trả lời về các khoản vay có lãi, có thời hạn hay không có lãi, không thời hạn và không xác định số tiền lãi đã thanh toán. Do đó, có căn cứ xác định cả hai khoản vay ngày 11/5/2022 (1.000.000.000 đồng) và khoản vay ngày 15/8/2022 (300.000.000 đồng) giữa nguyên đơn bà Lê Thị H và các bị đơn bà Mai Thị Kim T, ông Nguyễn Đắc G thuộc trường hợp vay không thời hạn và không rõ lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Khi có tranh chấp về lãi suất sẽ được giải quyết mức lãi suất theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3] Đối với yêu cầu áp dụng lãi suất: mặc dù các bị đơn không có ý kiến gì về số tiền lãi nguyên đơn đã khai là thanh toán 150.000.00 đồng tiền lãi cho khoản vay 1.000.000.000 đồng và thanh toán 27.000.000 đồng cho khoản vay 300.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và là tình tiết có lợi cho các bị đơn có căn cứ xác định bị đơn đã thanh toán lãi vay cho nguyên đơn với số tiền lãi đối với từng khoản vay theo sự thừa nhận của nguyên đơn. Quá trình tố tụng, nguyên đơn có yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vay và khấu trừ vào số tiền lãi đã thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm áp

dụng mức lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) tính từ ngày vay 11/5/2022 đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2024 là 02 năm 04 tháng 19 ngày lãi; tính lãi suất 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) đối với số tiền vay 300.000.000 đồng tính từ ngày vay (15/8/2022) đến thời điểm xét xử sơ thẩm (30/9/2024) là 02 năm 01 tháng 05 ngày và khấu trừ số tiền lãi đã trả theo thừa nhận của nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, không có căn cứ để xem xét lại phần lãi suất theo yêu cầu kháng cáo của các bị đơn. Đối với số tiền gốc 1.300.000.000 đồng, các bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả xong số tiền gốc nêu trên cho nguyên đơn. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Kim T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo bà Mai Thị Kim T và ông Nguyễn Đắc G phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đắc G.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Mai Thị Kim T.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Đắc G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0003861 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

Bà Mai Thị Kim T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu số 0003860 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

5. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tài** **Nguyễn Trung Dũng** **Nguyễn Văn Thanh**